

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 07/2025/DSST.

Ngày: 08/9/2025.

V/v “Tranh chấp đồng tín dụng”

Vpbank, Jupiter – Sơn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu và ông Lê Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8, Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Thủy – KSV.

Trong các ngày 14/8/2025 và ngày 08/9/2025, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường L, thành phố Hà Nội (Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội cũ).

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP V:

Do ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Ông Trương Minh L. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng E, số C Quốc Lộ I, phường N, tỉnh Quảng Trị (Tầng E, số C Quốc Lộ I, TP., tỉnh Quảng Trị cũ).

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 10/2025/UQN-CTQT ngày 12/02/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V và Văn bản ủy quyền số: 762/2025/UQ-KHCN ngày 20/3/2025 của Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân). Ông L có mặt.

2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của V1 là Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: Số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội (Số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội cũ).

Người đại diện cho Công ty Cổ phần M: Do ông Đinh Duy D, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Công ty.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 10/2024/UQN-TGD ngày 05/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần M và Văn bản ủy quyền số: 53907/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Công ty Cổ phần M). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thái S, sinh 2003.

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị.

Nơi tạm trú và hiện ở tại: C Khô Đô thị M, D, phường M, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Lê Thái S vay vốn của V1 theo 02 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 832.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám Trăm Ba Mươi H) và 01 Hợp đồng thế tín dụng, cụ thể như sau:

* Hợp đồng cho vay LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022; Phụ lục hợp đồng 01/PLHĐ kèm theo: Số tiền cho vay: 760,000,000 (Bảy trăm sáu mươi triệu)

đồng, thời hạn cho vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD sản xuất mới 100%. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024: Số tiền vay: 72,000,000 (bảy mươi hai triệu) đồng; thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 15/12/2026; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ; lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023: Hạn mức đề nghị: 23,000,000 (hai mươi ba triệu) đồng, L1 thẻ: 100-MC2 Mobifone Credit, Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân, Lãi suất

trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74 000435 do Công An huyện V - Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/11/2022 mang tên Lê Thái S.

Chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 tại V1 giữa ông Lê Thái S và Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Thái S. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Lê Thái S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 15/07/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Lê Thái S vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ các khoản vay, tạm tính đến ngày 14/3/2025 của ông Lê Thái S tại V1 là: 660,920,121 đồng, trong đó: Nợ gốc: 616,711,868 đồng, nợ lãi: 21,639,275 đồng; nợ thế tín dụng: 22,568,978 đồng.

Vì vậy Ngân hàng đề nghị HĐQT xem xét, giải quyết:

- Buộc ông Lê Thái S phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V1, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- V1 được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế ông Lê Thái S thanh toán hết nợ cho V1.

- Trường hợp ông Lê Thái S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thái S để thu hồi nợ cho V1 là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74 000435 do Công An huyện V - Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/11/2022. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 tại V1 giữa ông Lê Thái S và Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Thái S. Hợp đồng thế

chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lê Thái S vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bổ sung yêu cầu buộc ông Lê Thái S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2025) là: 656,487,929 (sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi chín) đồng, cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay số: Hợp đồng cho vay LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 585,128,558 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 521,809,049 đồng; Nợ lãi: 63,319,509 đồng. Trong đó:

Phải trả cho V1 5% là: 29,256,428 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là: 555,872,130 đồng.

Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024: tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 43,684,951 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 40,414,807 đồng; Nợ lãi 3,141,109 đồng). Trong đó:

Trả cho V1 5% là 2,184,248 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là 41,500,703 đồng.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023. Gồm 100% sở hữu của công ty M, tính đến ngày 08/9/2025 là 27,674,420 đồng gốc và lãi, trong đó: Gốc 22,688,705 đồng, lãi 4,985,715 đồng và lãi phát sinh kể từ sau ngày 08/9/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

* Bị đơn ông Lê Thái S đã được Tòa án cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật hợp lệ, nhưng không hợp tác, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký thường trú và nơi tạm trú thì đều không có mặt; Toà án đã cấp, tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà

không do sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cứ, xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74 000435 do Công An huyện V - Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/11/2022 là tài sản thế chấp cũng không có tại nơi tạm trú, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và hiện không xác định được hiện đang ở đâu nên không tiến hành thẩm định được.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 BLTTDS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội; các Điều 280, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 327, 463, 466 và 470 BLDS năm 2015; khoản 17 Điều 4, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 22 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng một phần của V1. Buộc bị đơn ông Lê Thái S phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 656,487,929 đồng gốc và lãi, trong đó V1 31,440,676 đồng, C 625,047,253 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không hết số tiền nợ theo các hợp đồng nêu trên, thì V1 và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng một phần của V1 là Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Sau khi phát mãi tài sản thế chấp, nếu còn thừa thì sẽ trả lại cho bị đơn, nếu còn thiếu thì bị đơn tiếp tục thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong.

+ Bị đơn chịu án phí sơ thẩm và lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V đề ngày 18/3/2025, tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì các bên đương sự tranh chấp Hợp đồng cho vay đã ký giữa nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V (V1) với ông Lê Thái S, nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 (Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh cũ) xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị (Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị cũ), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Tòa án nhân dân Khu vực 8 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - Ông Lê Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/7/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 8 đã nhận được văn bản về việc chuyển giao, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty Cổ phần M từ Ngân hàng V1 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện Ngân hàng V1 đã chuyển nhượng 95% khoản nợ vay tại các Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, Hợp đồng cho vay số: LD2400900510 ngày 09/01/2024 cho Công ty CP M; riêng Hợp đồng cấp tín dụng thể chuyển nhượng 100% khoản vay. Tòa án đã ra Thông báo bổ sung đương sự là Công ty Cổ phần M là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng một phần của nguyên đơn - Ngân hàng V1; Thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và đương sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng cho vay được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Hợp đồng cho vay số: Hợp đồng cho vay LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2022 giữa Ngân hàng V1 – Chi nhánh Q - Phòng G với ông Lê Thái S thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nói riêng, là giao dịch hợp pháp, có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 và Người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ của Ngân hàng V1 là Công ty Cổ phần M:

Từ ngày 15/7/2024, ông Lê Thái S vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền lãi đã được thỏa thuận và cam kết trong các Hợp đồng cho vay và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ nên Ngân hàng V1 đã ra Thông báo nợ quá hạn và đến ngày 16/7/2024 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng cho vay và Ngân hàng V1 có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của ông Lê Thái S theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ đã ký.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Ngân hàng V1 và người đại diện theo uỷ quyền của Người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ của Ngân hàng V1 là Công ty Cổ phần M yêu cầu bị đơn ông Lê Thái S trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/9/2025 là 656,487,929 (sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi chín) đồng, trong đó yêu cầu cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 585,128,558 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 521,809,049 đồng; Nợ lãi: 63,319,509 đồng. Trong đó:

Phải trả cho V1 5% là: 29,256,428 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là: 555,872,130 đồng.

Hợp đồng cho vay số: LD2400900510 ngày 09/01/2024: tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 43,684,951 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 40,414,807 đồng; Nợ lãi 3,141,109 đồng). Trong đó:

Trả cho V1 5% là 2,184,248 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là 41,500,703 đồng.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023. Gồm 100% sở hữu của công ty M, tính đến ngày 08/9/2025 là 27,674,420 đồng gốc và lãi, trong đó: Gốc 22,688,705 đồng, lãi 4,985,715 đồng và lãi phát sinh kể từ sau ngày 08/9/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

4.1. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ thoả thuận vay tiền theo Hợp đồng cho vay số: Hợp đồng cho vay LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, thể hiện số tiền gốc nguyên đơn - Ngân hàng V1 cho bị đơn vay là 760,000,000 đồng. Lãi suất được quy định tại Điều 7 của Hợp đồng cho vay và khoản 8, Mục I của Giấy đề nghị giải ngân ngày 15/11/2022.

Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024, thể hiện số tiền gốc nguyên đơn cho vay là 72,000,000 đồng. Lãi được quy định tại khoản 7 Điều 2 của Hợp đồng cho vay.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023 thì các bên thoả thuận lãi suất theo quy định của V1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 15/7/2024 ông Lê Thái S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã ra Thông báo nợ quá hạn nên đến ngày 16/7/2024 đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay gốc đến kỳ hạn trả nợ của các Hợp đồng cho vay. Đối với Hợp đồng hạn mức cấp thẻ tín dụng, đến ngày 15/7/2025, bị đơn cũng đã trễ hạn nên nguyên đơn cũng đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, dư nợ gốc của các Hợp đồng cho vay bị đơn chưa trả cho Ngân hàng là 562,223,856 đồng; dư nợ của hợp đồng hạn mức cấp thẻ tín dụng là 22,688,705 đồng.

Do đó, phía Ngân hàng và Công ty CP M yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc của các Hợp đồng cho vay là 562,223,856 đồng, dư nợ của hợp đồng hạn mức cấp thẻ tín dụng là 22,688,705 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

4.2. Đối với yêu cầu về tiền lãi: Hội đồng xét xử xét thấy khi vay tiền các bên có thỏa thuận phương pháp áp dụng lãi suất có điều chỉnh, kể từ khi giải ngân, mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong suốt thời hạn vay, ngân hàng xác định mức lãi suất được áp dụng cố định, không thay đổi. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thanh toán tiền cuối cùng (ngày 15/7/2024) đến ngày 14/3/2025, bị đơn còn dư nợ lãi của Hợp đồng cho vay LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024: 21,639,275 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn bổ sung về lãi suất phát sinh thêm tính đến ngày 28/5/2025 như sau: Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, tính đến hết ngày 08/9/2025 nợ lãi là: 63,319,509 đồng lãi (trong đó: lãi trong hạn 16,348,875 đồng, lãi quá hạn 41,818,108 đồng, lãi nộp chậm 5,152,527 đồng); Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024, tính đến hết ngày 08/9/2025 nợ lãi là: 3,270,143 đồng (trong đó: lãi trong hạn 477,661 đồng, lãi quá hạn 2,580,682 đồng, lãi nộp chậm 211,800 đồng); Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024: 21,639,275 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân tổng lãi và phí còn nợ là 4,985,715 đồng và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 08/9/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 7 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 và khoản 7 Điều 2 các bên có thỏa thuận Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của bên vay trong trường hợp đến kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận nếu bên vay không trả nợ; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn tối đa là 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Do đó, phía Ngân hàng yêu cầu áp dụng mức lãi suất hai bên thỏa thuận làm căn cứ tính lãi là có cơ sở nên chấp nhận.

4.3 Về tài sản bảo đảm: Khi ký Hợp đồng cho vay, để đảm bảo khoản nợ vay theo Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ngày 15/11/2022, giữa Ngân hàng và ông Lê Thái S, thì ông S đã thế chấp tài sản là 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74 000435 do Công An huyện V - Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/11/2022, theo Hợp đồng thế chấp số LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 tại V1 giữa ông Lê Thái S và Ngân hàng V1.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng, chứng thực, được đăng ký thế chấp phù hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; các Điều 298, 317, 318, 319, 327 của BLDS 2015 quy định về thế chấp tài sản và hình thức thế chấp tài sản.

Tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp thể hiện nội dung nghĩa vụ được bảo đảm của bên thế chấp đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo đảm với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, kê ước nhận nợ...).

Hiện nay, bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 tại Hợp đồng thế chấp nói trên để thu hồi nợ là phù hợp thoả thuận của các bên theo Hợp đồng, phù hợp Điều 22 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại các Điều 293 và 299 của BLDS quy định về xử lý tài sản thế chấp nên có căn cứ pháp lý để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy cần buộc ông Lê Thái S phải trả cho Ngân hàng V1 và Công ty CP M số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2025) là 656,487,929 đồng, trong đó gốc là: 584,912,557 đồng, lãi là 71,575,368 đồng. Yêu cầu cụ thể;

Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 585,128,558 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 521,809,049 đồng; Nợ lãi: 63,319,509 đồng. Trong đó:

Phải trả cho V1 5% là: 29,256,428 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là: 555,872,130 đồng.

Hợp đồng cho vay số LD2400900510 ngày 09/01/2024: tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 43,684,951 đồng gốc và lãi (trong đó nợ gốc: 40,414,807 đồng; Nợ lãi 3,141,109 đồng). Trong đó:

Trả cho V1 5% là 2,184,248 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là 41,500,703 đồng.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023. Gồm 100% sở hữu của công ty M, tính đến ngày 08/9/2025 là 27,674,420 đồng gốc và lãi, trong đó: Gốc 22,688,705 đồng, lãi 4,985,715 đồng.

Ngoài ra, ông Lê Thái S còn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2025) trở đi theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong các Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Trường hợp ông Lê Thái S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 theo Hợp đồng thế chấp nói trên, theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số: 25/2025/TB-TA ngày 07/7/2025, Ngân hàng đã nộp và chi phí hết 3,600,000đ. HĐXX thấy rằng do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Thái S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có căn cứ. Do vậy, cần buộc ông Lê Thái S phải hoàn trả lại cho Ngân hàng V1 số tiền 3,600,000 (ba triệu sáu trăm ngàn) đồng là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông Lê Thái S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 BLTTDS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Điều 280, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 327, 463, 466 và 470 BLDS năm 2015;

Căn cứ khoản 17 Điều 4, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V (V1) và Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng một phần của V1 là Công ty CP M (C) về việc yêu cầu ông Lê Thái S trả nợ vay theo các Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế tín dụng cho Ngân hàng V1 và C, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số: LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHD ngày 15/11/2022:

Buộc ông Lê Thái S phải có nghĩa vụ trả cho V1 và C tổng số tiền gốc và lãi là: 585,128,558 đồng, trong đó nợ gốc: 521,809,049 đồng; Nợ lãi: 63,319,509 đồng (lãi tính đến hết ngày 08/9/2025). Trong đó:

Phải trả cho V1 5% là: 29,256,428 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là: 555,872,130 đồng.

- Hợp đồng cho vay số: LD2400900510 ngày 09/01/2024:

Buộc ông Lê Thái S phải có nghĩa vụ trả cho V1 và C tổng số tiền gốc và lãi là: 43,684,951 đồng gốc và lãi, trong đó nợ gốc: 40,414,807 đồng; Nợ lãi 3,141,109 đồng (lãi tính đến ngày 08/9/2025). Trong đó:

Trả cho V1 5% là 2,184,248 đồng.

Trả cho Công ty M 95% là 41,500,703 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thế, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2023:

Buộc ông Lê Thái S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền vay gốc và lãi là 27,674,420 đồng, trong đó: Gốc 22,688,705 đồng, lãi 4,985,715 đồng.

Ngoài ra, ông Lê Thái S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2025) cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng cho vay và hợp đồng cấp thẻ tín dụng các bên đã ký.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Lê Thái S có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng V1 và C tính đến hết ngày 08/9/2025 là: 656,487,929 (sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi chín) đồng, trong đó V1 là 31,440,676 đồng, Công ty M là 625,047,253 (sáu trăm hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng.

Trường hợp ông Lê Thái S không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ còn lại thì Ngân hàng V1 và C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, New Mazda CX5 Premium, 2.0L, AT, FWD, Biển số đăng ký: 74A-204.32 có số khung: RN2KW2W7ANM102081, số máy: PE50312705 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 74 000435 do Công An huyện V - Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/11/2022, theo Hợp đồng thế chấp số LN2209226847673 ký ngày 15/11/2022 giữa các bên.

Khi phát mãi tài sản, sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng và C nếu còn thừa sẽ được trả lại cho ông Lê Thái S, nếu còn thiếu thì ông S có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần nợ còn thiếu và lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Khi phát mãi tài sản ông Lê Thái S được quyền ưu tiên mua tài sản phát mãi.

2. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Lê Thái S phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty CP M số tiền 3,600.000 (ba triệu sáu trăm ngàn) đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn – ông Lê Thái S phải chịu 30,259,517 đồng án phí DSST.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 15,218,402 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0000076 ngày 18/4/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Vĩnh Linh cũ), tỉnh Quảng Trị.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/9/2025); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- TAND T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hoan

